UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ NỘI VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-SNV	*Khánh Hòa, ngày tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Truyền thông dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (*được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025*);

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Nội vụ thực hiện truyền thông dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (thay thế Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh), cụ thể như sau:

1. Hình thức: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ https://snv.khanhhoa.gov.vn/ và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa.

2. Thời gian truyền thông: Từ khi tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định.

3. Nội dung truyền thông: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Sở Nội vụ thông báo đến các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, tham gia góp ý./.

Nơi nhận (VBĐT): - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành; - UBND tỉnh (b/c); - UBND các xã, phường, đặc khu; - Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh; - Các phòng, đơn vị thuộc Sở; - Văn phòng Sở (đăng Trang TTĐT Sở); - Lưu: VT, TCBC&CCVC.	**GIÁM ĐỐC** **Võ Chí Vương**

PHỤ LỤC
Nội dung truyền thông

(Kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày /11/2026 của Sở Nội vụ)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 đã thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Cán bộ, công chức năm 2008 là căn cứ ban hành Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước (có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Nghị định số 29/2024/NĐ-CP); tại điểm a khoản 1 Điều 31 giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn của từng chức danh công chức lãnh đạo, quản lý bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của địa phương nhưng không được thấp hơn quy định tại Nghị định.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 178-QĐ/TU ngày 17/12/2025 về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trong đó có chức danh Giám đốc sở, Phó Giám đốc sở và tương đương; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh), yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền; Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định số 02-QĐ/ĐU ngày 14/4/2026. Đây là cơ sở để cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý, bảo đảm thống nhất giữa quy định của Đảng và quy định của Nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Nghị định số 29/2024/NĐ-CP; đến nay, các văn bản này đã hết hiệu lực. Từ ngày 01/7/2025, tỉnh thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và phòng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được sắp xếp, tổ chức lại. Nhiều nội dung của Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND không còn phù hợp, như: chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc cấp huyện; tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước theo ngạch; mốc chuyển tiếp; một số tiêu chuẩn về thời gian công tác thấp hơn quy định tại Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

Do đó, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ BỐ CỤC DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sở và tương đương); cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (phòng thuộc cấp xã) và cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước khác do cấp có thẩm quyền của tỉnh thành lập. Không áp dụng đối với viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, người quản lý doanh nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng

- Công chức được xem xét quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các chức danh: Giám đốc sở và tương đương; Phó Giám đốc sở và tương đương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã (gồm cả Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã).

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong công tác cán bộ.

3. Bố cục

Dự thảo Quyết định gồm 03 điều; Quy định kèm theo gồm 04 chương, 20 điều:

- Chương I. Quy định chung (Điều 1, Điều 2): Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng và danh mục chức danh.

- Chương II. Tiêu chuẩn chung (từ Điều 3 đến Điều 9): Về chính trị, tư tưởng; phẩm chất đạo đức, lối sống và ý thức tổ chức kỷ luật; trình độ; năng lực, uy tín và khả năng quy tụ, đoàn kết; kết quả công tác; sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm; một số trường hợp đặc thù.

- Chương III. Tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh công chức lãnh đạo, quản lý (từ Điều 10 đến Điều 17), gồm: Mục 1. Chức danh thuộc sở và tương đương

(từ Điều 10 đến Điều 15); Mục 2. Chức danh thuộc phòng thuộc cấp xã (Điều 16, Điều 17).

- Chương IV. Tổ chức thực hiện (từ Điều 18 đến Điều 20): Tổ chức thực hiện; điều khoản chuyển tiếp; điều khoản thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi, danh mục chức danh: Cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và Điều 2 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP; bỏ các chức danh thuộc cấp huyện; bổ sung chức danh thuộc phòng thuộc cấp xã (trong đó có Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công) và Trưởng, Phó Trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh.

2. Tiêu chuẩn chung: Tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; năng lực, uy tín dẫn chiếu Nghị định số 334/2025/NĐ-CP. Tiêu chuẩn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước thực hiện theo yêu cầu vị trí việc làm, hoàn thành trong 12 tháng kể từ ngày bổ nhiệm (thay cho yêu cầu chứng chỉ theo ngạch). Quy định cụ thể tiêu chuẩn bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, khung điều kiện về thành tích, sản phẩm; chức danh thuộc diện cấp ủy quản lý đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của cấp ủy có thẩm quyền.

3. Kinh nghiệm: Thời gian giữ chức danh liền kề tối thiểu 01 năm (12 tháng) thay cho 02 năm, thống nhất với Nghị định số 334/2025/NĐ-CP; xác định kinh nghiệm theo nguồn nhân sự tại chỗ, nguồn nhân sự từ bên ngoài.

4. Trường hợp đặc thù: Bổ sung các trường hợp đặc thù theo Điều 9 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP và Điều 16 Quy định số 178-QĐ/TU (điều động, luân chuyển; thu hút, trọng dụng người có tài năng; chức danh mới; bổ nhiệm lần đầu; bổ nhiệm chức vụ tương đương, kiêm nhiệm).

5. Tiêu chuẩn cụ thể: Thay yêu cầu "đang giữ chức vụ" bằng "đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ"; nâng thời gian công tác của Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở từ đủ 02 năm lên đủ 03 năm; Phó Trưởng phòng thuộc cấp xã có thời gian công tác đủ 03 năm; bỏ phương án thay thế bằng thời gian công tác đối với Phó Trưởng phòng thuộc sở; Giám đốc sở, Phó Giám đốc sở và tương đương đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy định số 178-QĐ/TU.

6. Chuyển tiếp: Người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị hoàn thiện theo Điều 30 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP (trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực); hết thời hạn mà chưa đáp ứng thì cấp có thẩm quyền xem xét, thu hồi quyết định bổ nhiệm và bố trí công việc chuyên môn phù hợp.

IV. CÁCH THỨC THAM GIA GÓP Ý

Toàn văn dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm gửi ý kiến góp ý về Sở Nội vụ (Phòng Tổ chức, biên chế và công chức, viên chức) bằng văn bản hoặc qua Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn đăng tải lấy ý kiến./.

UBND TỈNH KHÁNH HÒA **SỞ NỘI VỤ** Số: /TTr-SNV	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15) và Công văn số 13291/UBND-TH ngày 27/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thống nhất chủ trương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Ngày 21/10/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND về Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ.

Đến nay, các căn cứ pháp lý nêu trên đã được thay thế: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 đã thay thế Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Đồng thời, Chính phủ ban hành Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, thay thế Nghị định số 29/2024/NĐ-CP. Tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP, Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn của từng chức danh công chức lãnh đạo, quản lý bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của địa phương nhưng không được thấp hơn quy định tại Nghị định.

Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 178-QĐ/TU ngày 17/12/2025 về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trong đó quy định tiêu chuẩn chung đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý (Chương II), tiêu chuẩn cụ thể của chức danh Giám đốc sở, Phó Giám đốc sở và tương đương (Điều 14), Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (Điều 13) và yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền (khoản 2 Điều 17); Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định số 02-QĐ/ĐU ngày 14/4/2026, trong đó giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định của cấp ủy để xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền (khoản 3 Điều 16).

2. Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Khánh Hòa thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; không còn tổ chức cấp huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và phòng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được sắp xếp, tổ chức lại. Nhiều nội dung tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND (chức danh thuộc cấp huyện, tiêu chuẩn chứng chỉ quản lý nhà nước theo ngạch, mốc chuyển tiếp từ ngày 01/5/2024...) không còn phù hợp; một số tiêu chuẩn về thời gian công tác thấp hơn quy định tại Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

Thực hiện Kế hoạch số 6993/KH-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 1881/STP-NV1 ngày 15/10/2025 của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã rà soát Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND và lấy ý kiến các cơ quan, địa phương (Công văn số 4167/SNV-TCBC&CCVC ngày 11/5/2026); kết quả rà soát tại Báo cáo số 7521/BC-SNV ngày 03/8/2026 xác định cần ban hành văn bản thay thế. Sở Nội vụ đã có Tờ trình số 7868/TTr-SNV ngày 12/8/2026 đề nghị xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn và được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại Công văn số 13291/UBND-TH ngày 27/10/2026.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND là cần thiết, đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích: cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh làm căn cứ cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; xây dựng đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương hai cấp.

2. Quan điểm: (1) Bảo đảm đúng thẩm quyền, không thấp hơn tiêu chuẩn tại Nghị định số 334/2025/NĐ-CP; nội dung Nghị định đã quy định đầy đủ thì dẫn chiếu, không quy định lại; (2) Thống nhất với quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND; (4) Phù hợp tổ chức bộ máy sau sắp xếp và thực tiễn của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Sở Nội vụ ban hành Quyết định số /QĐ-SNV ngày /11/2026 phê duyệt Đề cương dự thảo Quyết định; tổ chức nghiên cứu, đối chiếu Nghị định số 334/2025/NĐ-CP, Quy định số 178-QĐ/TU, Quy định số 02-QĐ/ĐU và kết quả rà soát Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND để xây dựng dự thảo.

2. Sở Nội vụ ban hành Công văn số /SNV-TCBC&CCVC ngày / /2026 lấy ý kiến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động. Kết quả: có ..... ý kiến, trong đó ..... ý kiến thống nhất hoàn toàn, ... ý kiến góp ý cụ thể; Sở Nội vụ đã tiếp thu, giải trình (Báo cáo số /BC-SNV ngày / /2026).

3. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo tại Báo cáo số /BC-STP ngày / /2026; Sở Nội vụ đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo theo ý kiến thẩm định (Báo cáo số /BC-SNV ngày / /2026).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

1. Bố cục

Dự thảo Quyết định gồm 03 điều (ban hành Quy định; hiệu lực thi hành và thay thế Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND; trách nhiệm thi hành). Quy định kèm theo gồm 04 chương, 20 điều: Chương I. Quy định chung (Điều 1, Điều 2); Chương II. Tiêu chuẩn chung (Điều 3 đến Điều 9); Chương III. Tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh (Mục 1: Điều 10 đến Điều 15; Mục 2: Điều 16, Điều 17); Chương IV. Tổ chức thực hiện (Điều 18 đến Điều 20).

2. Nội dung cơ bản và điểm mới so với Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND

a) Phạm vi, danh mục chức danh: cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp và Điều 2 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP; bỏ các chức danh thuộc cấp huyện; bổ sung chức danh thuộc phòng thuộc cấp xã (gồm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công) và Trưởng, Phó Trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh.

b) Tiêu chuẩn chung: các tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; năng lực, uy tín dẫn chiếu Nghị định số 334/2025/NĐ-CP. Về quản lý nhà nước, áp dụng yêu cầu hoàn thành chương trình bồi dưỡng trong 12 tháng kể từ ngày bổ nhiệm thay cho yêu cầu chứng chỉ theo ngạch. Tỉnh quy định cụ thể và cao hơn Nghị định đối với tiêu chuẩn bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh (khoản 5 Điều 5, trên cơ sở khoản 5 Điều 5 Quy định số 178-QĐ/TU: Giám đốc sở và tương đương đối tượng 2; Phó Giám đốc sở và tương đương đối tượng 3, chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải có chứng chỉ tại thời điểm bổ nhiệm; mở rộng yêu cầu chứng chỉ đối tượng 3 đối với Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, thuộc cấp xã, được hoàn thành trong 12 tháng kể từ ngày bổ nhiệm), khung điều kiện về thành tích, sản phẩm (Điều 7, kế thừa Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND). Chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý phải đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ theo quy định của cấp ủy có thẩm quyền (khoản 6 Điều 5).

c) Kinh nghiệm: thời gian giữ chức danh liền kề tối thiểu 01 năm (12 tháng), thống nhất với Nghị định số 334/2025/NĐ-CP và Quy định số 02-QĐ/ĐU (Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND quy định 02 năm); bổ sung các trường hợp đặc thù theo Điều 9 Nghị định (thu hút, trọng dụng người có tài năng; chức danh mới; bổ nhiệm lần đầu; chức vụ tương đương, kiêm nhiệm).

d) Tiêu chuẩn cụ thể: thay yêu cầu "*đang giữ chức vụ*" bằng "*đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ*"; nâng thời gian công tác của Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở từ đủ 02 năm lên đủ 03 năm và quy định Phó Trưởng phòng thuộc cấp xã có thời gian công tác đủ 03 năm (Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND quy định đủ 02 năm đối với chức danh tương ứng thuộc cấp huyện); bỏ phương án thay thế bằng thời gian công tác đủ 03 năm đối với Phó Trưởng phòng thuộc sở để không thấp hơn Nghị định; Giám đốc sở, Phó Giám đốc sở và tương đương đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn của chức danh tương ứng theo Quy định số 178-QĐ/TU (khoản 4 Điều 10, khoản 4 Điều 11 dự thảo Quy định).

đ) Tổ chức thực hiện, chuyển tiếp: giao Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cụ thể hóa tiêu chuẩn theo vị trí việc làm nhưng không thấp hơn Quy định, trường hợp không yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn thì áp dụng trực tiếp Quy định (phù hợp điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP); điều khoản chuyển tiếp về lý luận chính trị thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP. Tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc

phạm vi dự thảo, được quy định tại Quyết định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh theo điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Thời gian giữ chức danh liền kề (khoản 3 Điều 8 dự thảo Quy định): Sở Nội vụ đề xuất áp dụng mức tối thiểu 01 năm theo Nghị định số 334/2025/NĐ-CP thay cho mức 02 năm tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND.

2. Tiêu chuẩn Phó Giám đốc sở và tương đương (khoản 3, khoản 4 Điều 11 dự thảo Quy định): khoản 3 Điều 22 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP cho phép bổ nhiệm người đã kinh qua chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã và tương đương trở lên hoặc có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 07 năm trở lên; trong khi đó, điểm e khoản 2 Điều 14 Quy định số 178-QĐ/TU yêu cầu chức danh này (thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) phải đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ lãnh đạo cấp dưới trực tiếp hoặc tương đương. Để bảo đảm thống nhất giữa quy định của Đảng và của Nhà nước, dự thảo giữ tiêu chuẩn tại khoản 3 theo Nghị định và bổ sung khoản 4 yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh tương ứng theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; theo đó, phương án "có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 07 năm trở lên" chỉ được áp dụng trong các trường hợp đặc thù quy định tại Điều 16 Quy định số 178-QĐ/TU (điều động, luân chuyển; bổ nhiệm lần đầu; trường hợp đặc thù do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định). Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến.

(Các nội dung trên được Sở Nội vụ tổng hợp, cập nhật theo kết quả lấy ý kiến và thẩm định.)

Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định.

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Quyết định và Quy định; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Quyết định với Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND, Nghị định số 334/2025/NĐ-CP và Quy định số 178-QĐ/TU; Bản góp ý của các cơ quan, địa phương.)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TCBC&CCVC.

(ThL)

GIÁM ĐỐC

Võ Chí Vương

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày tháng năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở,

ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, gồm:

a) Cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở và tương đương);

b) Cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là phòng thuộc cấp xã);

c) Cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước khác do cấp có thẩm quyền của tỉnh thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Quy định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, người quản lý doanh nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và danh mục chức danh

1. Quy định này áp dụng đối với công chức được xem xét quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các chức danh lãnh đạo, quản lý ~~quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các cơ quan~~quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong công tác cán bộ.

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc sở và tương đương:

a) Giám đốc sở, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh,

Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh và tương đương (sau đây gọi chung là Giám đốc sở và tương đương);

b) Phó Giám đốc sở, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chánh Thanh tra tỉnh, Phó Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh và tương đương (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở và tương đương);

c) Chi cục trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng, Chánh Văn phòng thuộc sở; Trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh và tương đương; Trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Trưởng phòng và tương đương thuộc sở);

d) Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng ban, Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Văn phòng thuộc sở; Phó Trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh và tương đương; Phó Trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở);

đ) Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở;

e) Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở.

3. Chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phòng thuộc cấp xã:

a) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công (sau đây gọi chung là Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã);

b) Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã).

4. Chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước khác chưa được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được xác định theo tên gọi của cơ quan, tổ chức đó và xác định chức danh tương đương theo cấp quản lý hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền khi thành lập cơ quan, tổ chức đó.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHUNG

Điều 3. Về chính trị, tư tưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 334/2025/NĐ-CP).

Điều 4. Về phẩm chất đạo đức, lối sống và ý thức tổ chức kỷ luật

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Thực hiện nghiêm việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định; báo cáo đầy đủ, trung thực với cấp trên; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, khách quan khi có yêu cầu.

Điều 5. Về trình độ

1. Về chuyên môn: tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

2. Về lý luận chính trị:

a) Tốt nghiệp cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc được xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền: áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Quy định này;

b) Tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc được xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền: áp dụng đối với các chức danh còn lại tại Điều 2 Quy định này;

c) Việc xác nhận tương đương trình độ lý luận chính trị thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Về quản lý nhà nước và khoa học, công nghệ:

a) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý được bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực;

b) Có trình độ chuyên môn hoặc có kinh nghiệm trong triển khai các dự án, chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (nếu có).

4. Về tin học, ngoại ngữ: có trình độ tin học, ngoại ngữ phù hợp với vị trí việc làm theo quy định hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với trường

hợp vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh:

a) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2: áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy định này;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 3: áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2 Quy định này;

c) Các chức danh còn lại: được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo đối tượng quy định của pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh;

d) Đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, chứng chỉ quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải có tại thời điểm bổ nhiệm; đối với các chức danh còn lại, trường hợp chưa có chứng chỉ theo quy định tại điểm b khoản này thì phải hoàn thành trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

6. Đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, ngoài tiêu chuẩn quy định tại Điều này, phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ (lý luận chính trị, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng và an ninh và các tiêu chuẩn khác) theo quy định của cấp ủy có thẩm quyền.

Điều 6. Về năng lực, uy tín và khả năng quy tụ, đoàn kết

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Về kết quả công tác

1. Có thành tích, kết quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành gắn với sản phẩm cụ thể theo chức danh, nhiệm vụ được giao đối với công chức lãnh đạo, quản lý hoặc tiêu chí kết quả công tác cụ thể gắn với vị trí việc làm đối với công chức chuyên môn, nghiệp vụ; được cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất.

2. Khung điều kiện về thành tích: có thành tích nổi trội trong hoạt động công vụ trong thời gian công tác và được cấp có thẩm quyền công nhận, cụ thể:

a) Đối với các chức danh quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Quy định này: có ít nhất 01 lần được tặng bằng khen của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, cấp bộ, ban, ngành trung ương trở lên;

b) Đối với các chức danh còn lại tại Điều 2 Quy định này: có ít nhất 01 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc 03 lần được tặng giấy khen hoặc 01 lần được tặng bằng khen trở lên.

3. Khung điều kiện về sản phẩm: có sản phẩm cụ thể được cấp có thẩm quyền giao, phân công thực hiện, phù hợp với yêu cầu chức danh lãnh đạo, quản lý theo vị trí việc làm đã được phê duyệt, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển hoặc tạo hiệu quả, lợi ích thiết thực, rõ ràng trong hoạt động của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xem xét.

4. Trên cơ sở khung điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, cơ quan, địa phương cụ thể hóa tại cơ quan, địa phương mình nhưng không thấp hơn quy định tại Quy định này.

Điều 8. Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm

1. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Bảo đảm tuổi bổ nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật; được quy hoạch vào chức danh dự kiến bổ nhiệm hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định.

3. Có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý hoặc thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức danh cụ thể theo quy định tại Chương III Quy định này. Thời gian giữ chức danh đang đảm nhiệm hoặc chức danh tương đương liền kề với chức danh dự kiến bổ nhiệm tối thiểu là 01 năm (12 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức danh tương đương). Việc xác định kinh nghiệm đối với trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ, nguồn nhân sự từ bên ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

4. Thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực quy định tại Chương III Quy định này không bao gồm thời gian tập sự, thử việc (nếu có).

Điều 9. Một số trường hợp đặc thù áp dụng tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm

1. Trường hợp được điều động, luân chuyển từ nơi khác đến không nhất thiết phải bảo đảm tiêu chuẩn "đã kinh qua chức danh lãnh đạo, quản lý cấp dưới trực tiếp" áp dụng đối với chức danh tương ứng quy định tại Quy định này.

2. Trường hợp bổ nhiệm công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Đảng và pháp luật về chính sách thu hút, trọng dụng đối với người có tài năng, chuyên gia thì không nhất thiết phải bảo đảm đầy đủ tiêu chuẩn chức danh quy định tại Quy định này, nhưng phải hoàn thiện trong thời hạn 36 tháng kể từ khi được bổ nhiệm.

3. Khi xem xét, bổ nhiệm chức danh mới chưa có trong Quy định này thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm áp dụng tiêu chuẩn chung và vận dụng tiêu chuẩn cụ thể của chức danh tương đương có vị trí, tính chất tương đồng.

4. Trường hợp bổ nhiệm lần đầu tiên vào các chức danh lãnh đạo, quản lý không nhất thiết phải bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn về thành tích lãnh đạo, quản lý, kinh qua chức danh lãnh đạo, quản lý cấp dưới.

5. Trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ tương đương hoặc kiêm nhiệm thêm chức vụ khác thì không nhất thiết phải bảo đảm đầy đủ tiêu chuẩn của chức vụ tương đương hoặc chức vụ kiêm nhiệm.

6. Trường hợp đặc biệt khác do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định; đối với chức danh thuộc diện cấp ủy quản lý thì thực hiện theo quyết định của cấp ủy có thẩm quyền.

Chương III
TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI TỪNG CHỨC DANH CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Mục 1
CHỨC DANH THUỘC SỞ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 10. Giám đốc sở và tương đương

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có năng lực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện của tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền thuộc ngành, lĩnh vực; xử lý, giải quyết có hiệu quả những vấn đề tồn đọng, kéo dài; có sáng kiến, mô hình cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hoặc giải pháp hiệu quả được áp dụng trong ngành, lĩnh vực.

3. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương hoặc Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương trở lên.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn chung đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn của Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và tiêu chuẩn của chức danh tương ứng theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 11. Phó Giám đốc sở và tương đương

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có năng lực tham mưu cụ thể hóa, chỉ đạo thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra các chủ trương, chính sách, kế hoạch thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; sử dụng, đánh giá hiệu quả công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phụ trách; tổ chức thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách.

3. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc sở hoặc Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy cấp xã và tương đương trở lên hoặc có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 07 năm trở lên.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn chung đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và tiêu chuẩn của chức danh tương ứng theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 12. Trưởng phòng và tương đương thuộc sở

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có năng lực tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cấp xã thuộc lĩnh vực được giao; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết công việc, thủ tục hành chính.

3. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở hoặc Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã trở lên hoặc có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 05 năm trở lên.

Điều 13. Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có năng lực tham mưu, đề xuất giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực được phân công; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết công việc.

3. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở hoặc Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã trở lên.

Điều 14. Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở hoặc Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã trở lên hoặc có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 04 năm trở lên.

Điều 15. Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên.

Mục 2
CHỨC DANH THUỘC PHÒNG THUỘC CẤP XÃ

Điều 16. Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có năng lực tham mưu tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, ủy quyền cho chính quyền cấp xã thuộc ngành, lĩnh vực; nắm chắc đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

3. Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã hoặc Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở trở lên hoặc có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 04 năm trở lên.

Điều 17. Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cấp xã

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Chương II Quy định này và các tiêu chuẩn sau:

1. Đáp ứng tiêu chuẩn về hiểu biết, năng lực quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền;

b) Căn cứ vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm của cơ quan, đơn vị nhưng không thấp hơn tiêu chuẩn tại Quy định này; trường hợp không yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn thì không phải ban hành quy định và áp dụng trực tiếp Quy định này.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị theo quy định tại Quy định này thì thực hiện việc hoàn thiện tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 334/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định của Đảng và pháp luật trước thời điểm Quy định này có hiệu lực nhưng chưa có quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thì tiếp tục thực hiện quy trình theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 334/2025/NĐ-CP; trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị thì phải hoàn thiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp bổ nhiệm do hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức mà chức danh đang giữ ở cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ bằng hoặc tương đương chức danh dự kiến đảm nhiệm ở cơ quan, tổ chức,

đơn vị mới hoặc trường hợp đổi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị thì phải hoàn thiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn về lý luận chính trị thì cấp có thẩm quyền xem xét, thu hồi quyết định bổ nhiệm và bố trí công việc chuyên môn phù hợp.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 334/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trường hợp cấp có thẩm quyền của Đảng ban hành văn bản quy định về công tác cán bộ có nội dung khác với Quy định này thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.